**TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG**

**NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**PHẦN I : TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN : 7.0 ĐIỂM**

**I.NHẬN BIẾT**

**BÀI 31**

# Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.

B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

# Điểm giống nhau cơ bản của hai giai đoạn sản xuất công nghiệp là

A. đều sản xuất bằng thủ công.

B. đều sản xuất bằng máy móc.

C. cùng chế biến nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tiêu dùng.

D. cùng tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.

# Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp là

A. khí hậu.

B. khoáng sản.

C. biển.

D. rừng.

# Công nghiệp có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của

A. các ngành kinh tế.

B. nông nghiệp.

C. giao thông vận tải.

D. thương mại.

# Tính chất hai giai đoạn của ngành sản xuất công nghiệp là do

A. trình độ sản xuất.

B. đối tượng lao động.

C. máy móc, thiết bị.

D trình độ lao động

# Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

A. Dân cư và nguồn lao động.

B. Thị trường.

C. Đường lối chính sách.

D. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

# Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

A. tài nguyên thiên nhiên.

B. vị trí địa lí.

C. dân cư và nguồn lao động.

D. cơ sở hạ tầng.

# Ý nào sau đây đúng với vai trò của ngành sản xuất công nghiệp?

A. Là cơ sở để phát triển ngành chăn nuôi.

B. Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.

C. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

D. Tạo ra mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương, các nước.

**#** Ý nào sau đây **không phải** vai trò của ngành công nghiệp điện lực?

**A.** Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

**B.** Là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại.

**C.** Đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người.

**D.** Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước.

**#** Ngành được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

**A.** công nghiêp cơ khí.

**B.** công nghiệp điện tử - tin học.

**C.** công nghiệp năng lượng.

**D.** công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**#** Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

**A.** Ít gây ô nhiễm môi trường.

**B.** Không yêu cầu cao về trình độ lao động.

**C.** Không chiếm diện tích rộng.

**D.** Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

**#** Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chịu ảnh hưởng nhiều bởi

**A.** việc sử dụng nhiên liệu, chi phí vận chuyển.

**B.** thời gian và chi phí xây dựng tốn kém.

**C.** lao động, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

**D.** nguồn nhiên liệu và thị trường tiêu thụ.

**#** Phát biểu nào dưới đây **không** đúng với vai trò của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

**A.** Giải quyết việc làm cho lao động.

**B.** Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**C.** Phục vụ cho nhu cầu con người.

**D.** Không có khả năng xuất khẩu.

**#** Ý nào sau đây **không** thuộc khu công nghiệp tập trung?

**A.** Có các xí nghiệp phục vụ, bổ trợ.

**B.** Có vị trí thuận lợi gần bến cảng, sân bay.

**C.** Gồm nhiều nhà máy xí nghiệp có quan hệ với nhau.

**D.** Gắn liền với đô thị vừa và lớn.

**#** Ý nào sau đây là đặc điểm chính của vùng công nghiệp?

**A.** Có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

**B.** Sản xuất các sản phẩm để tiêu dùng và xuất khẩu.

**C.** Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

**D.** Tập trung ít xí nghiệp, không có mối liên hệ với nhau.

**BÀI 32**

# Dịch vụ không phải là ngành?

A. Góp phần giải quyết việc làm.

B. Làm tăng giá trị hàng hóa nhiều lần.

C. Trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất.

D. Phục vụ nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

**#** Cơ cấu dân số có trẻ em đông thì đặt ra yêu cầu phát triển ngành dịch vụ nào?

**A.** Các khu an dưỡng.

**B.** Các khu văn hóa.

**C.** Trường học, nhà trẻ.

**D.** Hoạt động đoàn thể.

# Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

A. dịch vụ công.

B. dịch vụ tiêu dùng.

C. dịch vụ kinh doanh.

D. dịch vụ cá nhân.

# Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục, thể dục thể thao. thuộc về nhóm ngành

A. dịch vụ cá nhân.

B. dịch vụ kinh doanh.

C. dịch vụ tiêu dùng.

D. dịch vụ công.

# Những ngành nào sau đây không thuộc ngành dịch vụ?

A. Ngành thông tin liên lạc.

B. Ngành bảo hiểm.

C. Ngành du lịch.

D. Ngành xây dựng.

# Nhân tố ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu của ngành dịch vụ là

A. quy mô, cơ cấu dân số.

B. mức sống và thu nhập thực tế.

C. phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

D. truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.

# Ở nhiều nước người ta chia các ngành dịch vụ ra thành các nhóm là

A. Dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ công.

B. Dịch vụ kinh doanh, dịch vụ du lịch, dịch vụ cá nhân.

C. Dịch vụ nghề nghiệp, dịch vụ công, dịch vụ kinh doanh.

D. Dịch vụ cá nhân, dịch vụ hành chính công, dịch vụ buôn bán.

# Nước nào có trên 80% số người làm việc trong các ngành dịch vụ?

A. Anh.

B. Hoa Kì.

C. Pháp.

D. Bra-xin.

# Ngành nào dưới đây khôngthuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh?

A. Tài chính, bảo hiểm.

B. Thông tin liên lạc.

C. Giao thông vận tải.

D. Hành chính công.

# Dịch vụ kinh doanh gồm

A. vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, tư vấn.

B. bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ cá nhân.

C. bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, khoa học công nghệ.

D. vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, giáo dục.

# Ngành dịch vụ nào duới đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

A. Hoạt động đoàn thể.

B. Hành chính công.

C. Bán buôn, bán lẻ.

D. Thông tin liên lạc.

# Những hoạt động nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ tiêu dùng?

A. Giáo dục, y tế và bất động sản.

B. Tài chính, bán buôn và bán lẻ.

C. Vận tải, bảo hiểm và viễn thông.

D. Bán buôn, du lịch và giáo dục.

# Ở nhiều nước trên thế giới ngành dịch vụ được chia thành

A. dịch vụ công, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

B. dịch vụ công, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ tiêu dùng.

C. dịch vụ kinh doanh, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

D. dịch vụ bán buôn bán lẻ, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

# Giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính bảo hiểm…thuộc nhóm dịch vụ

A. công.

B. kinh doanh.

C. tiêu dùng.

D. sản xuất.

**BÀI 33**

# Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

A. sự chuyên chở người và hàng hóa.

B. phương tiện giao thông và tuyến đường.

C. sự tiện nghi và sự an toàn của hành khách.

D. các loại xe vận chuyển và hàng hóa.

# Ý nào sau đây không đúng về vai trò của ngành giao thông vận tải?

A. sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

B. cung ứng vật tư kỹ thuật, nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất.

C. phục vụ nhu cầu đi lại và sinh hoạt của người dân được thuận tiện.

D. đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phân bố lại dân cư và lao động.

# Đâu không phải là tiêu chí để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

A. khối lượng vận chuyển.

B. khối lượng luân chuyển.

C. cự li vận chuyển trung bình.

D. sự hiện đại của các loại phương tiện.

# Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành giao thông vận tải?

A. cự li vận chuyển trung bình tính bằng km.

B. sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.

C. Chất lượng sản được đo bằng tốc độ chuyên chở.

D. khối lượng luân chuyển được đo bằng đơn vị: tấn. km.

# Ở vùng ôn đới về mùa đông, loại hình giao thông vận tải nào hoạt động kém thuận lợi nhất?

A. Đường sắt.

B. Đường sông.

C. Đường hàng không.

D. Đường ô tô.

# Loại động vật nào sau đây có thể dùng làm phương tiện dùng để vận chuyển ở vùng hoang mạc?

A. Bồ câu.

B. Tuần lộc.

C. Lạc đà.

D. Ngựa.

# Giao thông vận tải có vai trò quan trọng vì

A. tạo mối quan hệ kinh tế - xã hội trong nước và trên thế giới.

B. tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa.

C. chỉ phục vụ nhu cầu đi lại của con người trong một quốc gia.

D. chỉ gắn hoạt động trong nước với các quốc gia trong khu vực.

**BÀI 35**

# Nhân tố nào sau đây không phải là nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp?

A. Vị trí địa lí.

B. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

C. Thị trường.

D. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.

# Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm của công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn.

B. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ.

C. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

D. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành.

# Ý nào sau đây không đúng với vai trò của ngành công nghiệp?

A. Luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP.

B. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn.

C. Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.

D. Tạo ra các sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển kinh tế.

# Ý nào sau đây không đúng với tính chất tập trung cao độ của công nghiệp?

A. Tập trung tư liệu sản xuất.

B. Thu hút nhiều lao động.

C. Tạo ra khối lượng lớn sản phẩm.

D. Cần không gian rộng lớn.

# Tính chất tập trung cao độ trong công nghiệp được thể hiện rõ ở việc

A. làm ra tư liệu sản xuất và sản phẩm tiêu dùng.

B. phân phối sản phẩm công nghiệp trên thị trường.

C. tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm.

D. tập trung nhiều điểm công nghiệp và xí nghiệp công nghiệp.

# Ý nào sau đây chưa chính xác về đặc điểm của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ.

B. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.

C. Công nghiệp ngày càng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

D. Có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

# Ngành sản xuất công nghiệp khác với ngành nông nghiệp ở chỗ

A. đất trồng là tư liệu sản xuất.

B. cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động.

C. phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên.

D. ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

**BÀI 36**

# Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ là.

A. Sức mua, nhu cầu dịch vụ.

B. hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ.

C. phân bố mạng lưới ngành dịch vụ.

D. nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

# Khu vực nào có cơ cấu ngành hết sức phức tạp?

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Dịch vụ.

D. Xây dựng.

# Trung tâm dịch vụ lớn nhất ở Việt Nam là

A. Đà Nẵng.

B. Nha Trang.

C. Hải Phòng.

D. TP Hồ Chí Minh.

# Các trung tâm lớn nhất thế giới về cung cấp các loại dịch vụ là

A. New York, London, Tokyo.

B. New York, London, Paris.

C. Oasinton, London, Tokyo.

D. Singapore, New York, London, Tokyo.

# Ngành nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ kinh doanh?

A. Bảo hiểm.

B. Giáo dục.

C. Thể dục thể thao.

D. Y tế.

# Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sự phân bố ngành dịch vụ phát triển mạnh?

A. Phân bố gần khu dân cư.

B. Xa khu dân cư.

C. Gần tuyến đường giao thông.

D. Gần cảng.

# Có‎ ý ‎‎ ‎‎ nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành các điểm dịch vụ du lịch là.

A. trình độ phát triển kinh tế đất nước.

B. mức sống và thu nhập thực tế của người dân.

C. sự phân bố các điểm du lịch.

D. sự phân bố các tài nguyên du lịch.

# Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với

A. trung tâm công nghiệp.

B. ngành kinh tế mũi nhọn.

C. sự phân bố dân cư.

D. ngành kinh tế trọng điểm.

**#** Đường sắt và đường biển có ưu điểm giống nhau là

**A.** an toàn.

**B.** tính cơ động cao.

**C.** tốc độ nhanh.

**D.** chở được hàng nặng, cồng kềnh.

# Ngành nào sau đây được coi là “ngành công nghiệp không khói’’?

A. Du lịch.

B. Kiểm toán.

C. Bảo hiểm.

D. Ngân hàng.

# Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán có ảnh hưởng đến

A. hiệu quả các ngành dịch vụ.

B. mức độ tập trung ngành dịch vụ.

C. hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.

D. trình độ phát triển ngành dịch vụ.

# Nhận định nào sau đây không đúng với sự phân bố các ngành dịch vụ trên thế giới?

A. Các thành phố lớn đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn.

B. Ở các nước phát triển, tỉ trọng của dịch vụ chỉ thường dưới 50%.

C. Tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước châu Phi thấp nhất.

D. Bắc Mĩ và Tây Âu có tỉ trọng các ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP cao nhất.

# Ngành dịch vụ phát triển mạnh có vai trò như thế nào đối với phát triển kinh tế?

A. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

B. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động ngoài nước.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng lãnh thổ.

D. Thu hút dân cư từ thành thị về nông thôn.

**BÀI 37**

**#** Địa hình nhiều đồi núi ở nước ta ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển ngành giao thông vận tải?

**A.** Chỉ phát triển loại hình giao thông vận tải đường bộ.

**B.** Khó khăn tới công tác thiết kế các loại hình giao thông.

**C.** Hạn chế thời gian hoạt động của ngành giao thông vận tải.

**D.** Khó khăn phát triển giao thông vận tải đường hàng không.

# Ngành dịch vụ phát triển mạnh có tác dụng

A. thu hút dân cư từ thành thị về nông thôn.

B. phân bố lại dân cư giữa các vùng lãnh thổ.

C. sử dụng tốt hơn nguồn lao động ngoài nước.

D. thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

# Tài nguyên du lịch và cơ sở hạ tầng ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ?

A. Sức mua, nhu cầu dịch vụ.

B. Nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

C. Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch.

D. Hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ.

# Để phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi thì ngành nào phải đi trước một bước?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thông tin liên lạc .

D. Giao thông vận tải.

# Chất lượng của sản phẩm dịch vụ giao thông vận tải được đo bằng

A. tốc độ vận chuyển nhanh và thời gian vận chuyển ngắn.

B. thời gian vận chuyển ít và khối lượng luân chuyển nhiều.

C. khối lượng luân chuyển nhiều và tốc độ vận chuyển nhanh.

D. tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn cho người và hàng hóa.

# Yếu tố tự nhiên nào sau đây ít ảnh hưởng đến hoạt động của ngành giao thông vận tải?

A. khí hậu.

B. địa hình.

C. sông ngòi.

D. sinh vật.

# Nhân tố nào sau đây quy định sự có mặt của các loại hình giao thông vận tải?

A. tài nguyên thiên nhiên.

B. điều kiện tự nhiên.

C. sự phân bố dân cư.

D. sự phát triển công nghiệp.

# Những khu vực nằm gần các tuyến vận tải lớn, các đầu mối giao thông thường là nơi tập trung

A. các vùng nông nghiệp chủ chốt.

B. các danh lam, di tích lịch sử.

C. các khu vực nhiều khoáng sản.

D. các ngành sản xuất, dân cư.

**MA TRẬN ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ 2 – MÔN: ĐỊA LÝ 10**

**NĂM HỌC 2021- 2022**

**I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):** 28 câu.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung kiến thức** | **Số câu nhận biết** | **Số câu thông hiểu** | **Tổng câu** |
| Bài 31 | Vai trò, đặc điểm , các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. | 04 | 03 | 07 |
| Bài 32 | Địa lí các ngành công nghiệp. | 02 | 02 | 04 |
| Bài 33 | Một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | 02 | 01 | 03 |
| Bài 35 | Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ. | 03 | 01 | 06 |
| Bài 36 | Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành GTVT. | 03 | 03 | 05 |
| Bài 37 | Địa lí các ngành GTVT. | 02 | 2 | 03 |
|  | **Tổng** | **16** | **12** | **28** |

**II. Phần tự luận (3 điểm):** Chọn 1 trong 5 đề trong ngân hàng đề